TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/DS-ST
Ngày: 16 - 7 - 2019
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Thanh Chúc

2. Bà Thạch Thị Yến Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Bích Vân, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, tiến hành đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1983 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp B, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1972 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị L, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/4/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Trần Thị Nh trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 06/10/2017 âm lich (âl), là ngày 23/11/2017 dương lịch (dl) bà Nh có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 19.000.000 đồng, việc vay có lập biên nhận, về tiền lãi hai bên có thỏa thuận miệng mỗi tháng là 1.900.000đ/19.000.000đ và bà N hứa thu hoạch tôm sẽ trả đủ vốn. Sau khi vay bà N không đóng lãi đến khi thu hoạch tôm cũng không trả vốn, bà Nh có đòi nhiều lần nhưng bà N không trả.

Việc bà N cho rằng không có vay số tiền 19.000.000 đồng này mà chỉ viết lại biên nhận củ ngày 12/6/2017 âl là không đúng. Lý do, biên nhận ngày 12/6/2017 âl bà Nh có cho chị Nguyễn Thị L là con của bà N vay 12.000.000 đồng, sau đó thì bà N vay thêm 5.000.000 đồng cộng chung trong một biên nhận, đến tháng 03/2018 âl tại nhà bà N thì bà N có đưa cho chị L 17.000.000 đồng để trả cho khoản vay chung này nên biên nhận ngày 12/6/2017 âl đã được bà Nh gạch bỏ, còn đối với biên nhận ngày 06/10/2017 âl là bà N vay riêng số tiền 19.000.000 đồng, chứ không phải viết lại biên nhận và tính vốn nhập lãi như bà N khai.

Do đó, bà Nh xác định khởi kiện bà Nguyễn Thị N và yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N phải trả số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra bà Nh không còn tranh chấp nào khác.

Những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thị N trình bày như sau:

Bà N thừa nhận, biên nhận nhận tiền ngày 06/10/2017 âl do bà Nh cung cấp là đúng, về chữ viết, chữ ký trong biên nhận là của bà nên không yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký.

Tuy nhiên, bà N cho rằng không vay số tiền 19.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/10/2017 âl do bà Nh cung cấp, mà trước đây bà có vay và nhận của bà Nh số tiền là 17.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/6/2017 âl bà Nh cung cấp (trong đó hai lần vay, lần 1 vay 12.000.000đ, lần 2 vay 5.000.000đ cộng chung trong một biên nhận), có thỏa thuận miệng lãi hàng tháng là 1.700.000đ/17.000.000đ, sau đó không đóng được lãi nên đến ngày 06/10/2017 âl bà Nh yêu cầu viết lại biên nhận tính tiền vốn là 17.000.000 đồng và tiền lãi là 2.000.000 đồng cộng chung nên bà đồng ý viết lại có vay là 19.000.000 đồng và cho bà trả dần.

Đến ngày 04/3/2018 âl bà N có đưa cho chị Nguyễn Thị L con ruột của bà, số tiền 17.000.000 đồng trả đủ tiền vốn vay cho bà Nh, lúc trả tiền cho bà Nh thì bà cũng có mặt, bà Nh tính lãi còn nợ lại là 9.800.000 đồng, chứ bà không vay số tiền 19.000.000 đồng. Do chỗ quen biết, tin tưởng nên khi viết lại biên nhận và khi trả tiền vốn bà không yêu cầu lấy lại hai biên nhận; bà N xác định chỉ vay số tiền 17.000.000 đồng và đã trả xong, bà không có vay 19.000.000 đồng nên bà không đồng ý trả theo yêu cầu của bà Nh.

Ngoài ra, bà N không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị L thống nhất với lời khai của mẹ chị là bà Nguyễn Thị N. Cụ thể là bà N không có vay số tiền 19.000.000 đồng theo biên nhận ngày 06/10/2017 âl mà bà Nh cung cấp, mặc dù chữ viết, chữ ký trong biên nhận là của bà N. Chị xác định trước đây bà N chỉ vay của bà Nh số tiền 17.000.000 đồng theo biên nhận ngày 12/6/2017 âl mà bà Nh cung cấp, chị có ký tên trong biên nhận theo yêu cầu của bà Nh để mẹ chị được vay khoản tiền này. Đến ngày 04/3/2018 âl thì bà N đưa chị 17.000.000 đồng trả đủ vốn cho bà Nh xong và bà Nh có tính lãi từ ngày 06/10/2017 âl đến 04/3/2018 âl là hơn 05 tháng mỗi tháng 1.700.000đ/17.000.000đ nên số tiền lãi còn nợ là 9.800.000 đồng.

Do đó, đối với biên nhận vay 19.000.000 đồng mà bà N đã viết, ký tên là do bà Nh yêu cầu bà N viết lại, vì vậy yêu cầu xem xét cho bà N không phải trả số tiền này. Ngoài ra, chị L không có tranh chấp khác.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Về thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần phiên họp, thành phần hòa giải và thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ, hợp lệ cho các đương sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà Trần Thị Nh số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng. Đề nghị buộc bị đơn Nguyễn Thị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy bà Trần Thị Nh khởi kiện bà Nguyễn Thị N yêu cầu trả tiền vay theo biên nhận. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự tranh chấp về "*Hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú trên địa bàn huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Trần Thị Nh cung cấp biên nhận ngày 06/10/2017 âl được bà Nguyễn Thị N xác định biên nhận này là đúng về chữ viết và chữ ký trong biên nhận do bà N tự viết, ký tên nên không yêu cầu trưng cầu, giám định.

[3] Xét yêu cầu của bà Nh buộc bà N phải trả số tiền vay 19.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà Nh cung cấp biên nhận ngày 06/10/2017 âl để chứng

minh cho việc khởi kiện, nội dung biên nhận thể hiện bà N có vay của bà Nh số tiền 19.000.000 đồng, chữ viết và chữ ký trong biên nhận được bà N thừa nhận do bà viết và ký tên.

[4] Xét lời khai của bà N cho rằng bà không vay mà biên nhận 06/10/2017 âl là viết lại của biên nhận củ ngày 12/6/2017 âl, bà vay hai lần 17.000.000 đồng, khi viết lại biên nhận là có tiền vốn nhập tiền lãi, trong đó vốn là 17.000.000 đồng, tiền lãi 2.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, lời khai của bà N không được bà Nh chấp nhận. Bà N không có chứng cứ chứng minh biên nhận ngày 06/10/2017 âl là viết lại của biên nhận ngày 12/6/2017 âl và không chứng minh được trong số tiền 19.000.000 đồng là có tiền vốn nhập tiền lãi như lời bà N khai.

[5] Xét lời khai của bà N và chị L cho rằng vốn vay 17.000.000 đồng đã trả xong vào ngày 04/3/2018, chỉ còn nợ lãi chưa trả là 9.800.000 đồng, do tin tưởng nên khi viết lại biên nhận thì bà không lấy lại biên nhận củ và khi trả vốn thì không lấy lại biên nhận 06/10/2017 âl. Lời nại ra của bà N, chị L không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, bà Nh cung cấp biên nhận ngày 12/6/2017 âl chứng minh hai biên nhận vay là riêng và thừa nhận ngày 04/3/2017 âl bà N, chị L có trả 17.000.000 đồng tiền vốn, đã trả theo biên nhận vay ngày 12/6/2017 âl mà bà N, chị L cùng vay nên biên nhận được gạch bỏ. Phía bà N, chị L không cung cấp được chứng cứ chứng minh hai biên nhận này là một, do viết lại và trả tiền vay theo biên nhận ngày 06/10/2017 âl.

Ngoài ra, xét việc tính lãi mà bà N, chị L khai cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh và cũng chưa phù hợp, do lãi tính từ ngày 06/10/2017 âl đến ngày 04/3/2018 âl là chưa được 05 tháng (bà N, chị L khai hơn 05 tháng, mỗi tháng 1.700.000đ/17/000.000đ số tiền 9.800.000đ) nhưng khi trả 17.000.000 đồng, còn 2.000.000 đồng tiền lãi trong biên nhận 19.000.000 đồng mà bà N cho rằng viết lại có nhập lãi thì không đề cập đến, không cộng vào khi tính lãi. Bà Nh không thừa nhận tính lãi như lời khai của bà N, chị L.

[6] Qua xác minh làm rõ sự việc theo yêu cầu của bà N; kết quả không ai biết rõ việc vay này là bà N viết lại biên nhận hay vay riêng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy kết quả xác minh là không rỏ ràng, không có cơ sở chứng minh cho lời khai của bà N.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, quy định "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Trong vụ kiện này bà N phản đối yêu cầu của bà Nh nhưng không đưa ra được chứng cứ, chứng minh cho sự phản đối đó, do đó Hội đồng xét xử xét yêu cầu khởi kiện của bà Nh đối với bà N là có cơ sở chấp nhận.

[7] Bà Nh, bà N không tranh chấp tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 03 Điều 26; Điều 35, 39, 91, 147, khoản 2 Điều 244, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Nh.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 19.000.000 đồng (Mười chín triệu đồng) cho bà Trần Thị Nh.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 02 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị N phải nộp 950.000 đồng (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí giá ngạch dân sự sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Nh không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Trần Thị Nh số tiền tạm ứng án phí đã nộp 475.000 đồng theo biên lại thu tiền số 0002204 ngày 14/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Thoa